

Số: 1625/QĐ-CTHADS

An Giang, ngày 19 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao điều chỉnh dự toán thu, chi  
ngân sách nhà nước năm 2024

### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH AN GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1625/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán Hành chính Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Cục;
- Đ/c Vinh (đăng trang TTĐT Cục);
- Lưu: VT.

KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG  
  
Võ Hoàng Long

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục THADS tỉnh An Giang  
Chương:014



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1655/QĐ-CTHADS ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh)  
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	VP Cục	Long Xuyên	Châu Đốc	An Phú	Châu Phú	Châu Thành	Phú Tân	Tân Châu	Chợ Mới	Tri Tôn	Tịnh Biên	Thới Sơn
I	2	3	4=5+6+...+16	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí														
I	Số thu phí, lệ phí	-513.000	-513.000	-250.000	-286.000	185.000	230.000	105.000	-54.000	-66.000	-249.000	-326.000	-218.000	-35.000	451.000
I	Phí thi hành án	-513.000	-513.000	-250.000	-286.000	185.000	230.000	105.000	-54.000	-66.000	-249.000	-326.000	-218.000	-35.000	451.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		0												
	<i>Chi quản lý hành chính</i>	-282.150	-282.150	-137.500	-157.300	101.750	126.500	57.750	-29.700	-36.300	-136.950	-179.300	-119.900	-19.250	208.050
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-282.150	-282.150	-137.500	-157.300	101.750	126.500	57.750	-29.700	-36.300	-136.950	-179.300	-119.900	-19.250	208.050
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0												
	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Phí thi hành án														
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.272.510	1.272.510	113.625	120.030	110.031	110.041	108.021	109.886	100.006	100.341	100.806	99.081	100.276	100.366
	Chi quản lý hành chính(340-341)	1.277.510	1.277.510	118.625	120.030	110.031	110.041	108.021	109.886	100.006	100.341	100.806	99.081	100.276	100.366
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (KP cắt giảm TK 5%)	1.287.110	1.287.110	128.225	120.030	110.031	110.041	108.021	109.886	100.006	100.341	100.806	99.081	100.276	100.366
2	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	203.600	203.600	96.644	5.407	2.108	27.026	35.158	1.220	3.917	636	3.582	1.383	254	26.265
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-9.600	-9.600	-9.600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0



